

Số: 5055/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2013

SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC TP	
ĐẾN	Số: 13586/13UBĐ
	Ngày: 19/12/2013

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt đề án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000
khu trung tâm, phường Thạnh Xuân, quận 12
(điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000)
(quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông)

lưu: ADT, H.T.
P. H.T.
T. H.T.
20/12/13
M

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 28/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về điều chỉnh quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 6706/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 12;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm phường Thạnh Xuân, quận 12;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3019/TTr-SQHKT ngày 27 tháng 8 năm 2013 về trình duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm phường Thạnh Xuân, quận 12 (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm phường Thạnh Xuân, quận 12 (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông), với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực quy hoạch:

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc phường Thạnh Xuân, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Đông giáp : đường Hà Huy Giáp.

+ Phía Tây giáp : sông Bến Thượng, đường Thạnh Xuân 31.

+ Phía Nam giáp: khu 2 - phía Nam phường Thạnh Xuân qua đường dự phóng Đ33.

+ Phía Bắc giáp : sông Rống Tùng, khu 1- phía Bắc phường Thạnh Xuân.

- Tổng diện tích khu vực quy hoạch: 198,5 ha.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: khu dân cư hiện hữu cải tạo kết hợp xây dựng mới, trong đó mô hình ở chủ yếu bao gồm:

+ Chức năng chính là khu dân cư hiện hữu cải tạo kết hợp xây dựng mới, trong đó mô hình ở chủ yếu là khu nhà liên kế phố (tại khu dân cư hiện hữu), kết hợp nhà liên kế, nhà vườn mật độ thấp (tại khu dân cư mới) phù hợp cảnh quan sông rạch để khai thác du lịch sinh thái vườn. Bên cạnh đó, các khu đất tiếp giáp các trục động lực của quận 12 (đường Hà Huy Giáp và đường Hà Huy Giáp song hành) ưu tiên bố trí nhà ở xã hội và nhà thu nhập thấp.

+ Đối với phần đất dự trữ khoảng 37,3ha (theo đồ án đã phê duyệt năm 2004) ưu tiên bố trí các công trình dịch vụ đô thị, các dự án nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà ở kinh doanh,...

2. Cơ quan tổ chức lập đồ án quy hoạch phân khu:

Ủy ban nhân dân quận 12 (Chủ đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận 12).

3. Đơn vị tư vấn lập đồ án quy hoạch phân khu:

Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sài Thành.

4. Hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch phân khu:

- Thuyết minh tổng hợp.

- Thành phần bản vẽ bao gồm:

+ Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000;

- + Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2000.
- + Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/2000.
- + Bản đồ hiện trạng hệ thống giao thông, tỷ lệ 1/2000.
- + Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2000.
- + Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2000.
- + Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2000.

5. Dự báo quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

5.1. Thời hạn quy hoạch: đến năm 2020 (theo thời hạn quy hoạch của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 12 đã được phê duyệt).

5.2. Dự báo quy mô dân số trong khu vực quy hoạch: 24.800 người.

5.3. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	
			Giai đoạn đến năm 2015	Giai đoạn 2015 - 2020
A	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu	m ² /người	87,06	80,04
B	Chỉ tiêu sử dụng đất đơn vị ở trung bình toàn khu	m ² /người	58,8	65,44
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong các đơn vị ở			
	- Đất các nhóm nhà ở .	m ² /người	44,14	45,25
	+ Đất nhóm nhà ở hiện hữu ổn định (cải tạo chỉnh trang)	m ² /người	20,52	18,87
	+ Đất nhóm nhà ở trong khu vực xây dựng mới	m ² /người	23,62	21,72
	+ Đất nhóm nhà ở trong khu đất hỗn hợp	m ² /người		4,66
	- Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở. Trong đó:	m ² /người	2,16	5,51
	+ Đất công trình giáo dục	m ² /người	1,28	2,95
	+ Trạm y tế	m ² /người	0,05	0,05
	+ Chợ, thương mại - dịch vụ	m ² /người	0,13	0,12
	+ Đất hành chính	m ² /người	0,19	0,16
	+ Đất công trình công cộng hạ tầng xã hội	m ² /người	0,51	0,47
	+ Đất công trình công cộng hạ tầng xã hội trong khu đất hỗn hợp	m ² /người		1,76

	- Đất cây xanh sử dụng công cộng (không kể 1 m ² /người đất cây xanh trong nhóm nhà ở)	m ² /người	1,68	3,19
	- Đất đường giao thông cấp phân khu vực	km/km ²	10,1	10,1
D	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật đô thị			
	Đất giao thông bố trí đến mạng lưới đường khu vực (từ đường khu vực trở lên), kể cả giao thông tĩnh	%	12,43	14,36
	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn thoát nước	lít/người/ngày	180	
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	2000	
	Tiêu chuẩn rác thải, chất thải	kg/người/ngày	1,3	
E	Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu			
	Mật độ xây dựng chung	%	25,5	
	Hệ số sử dụng đất	lần	1,0	
	Tầng cao xây dựng (theo QCVN 03:2012/BXD)	Tối đa	tầng	15
		Tối thiểu	tầng	1

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

6.1. Các khu chức năng trong khu vực quy hoạch:

Toàn khu vực quy hoạch được phân chia làm 2 đơn vị ở với đầy đủ các cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của riêng từng đơn vị ở, đảm bảo bán kính phục vụ tốt nhất đến từng hộ dân cư, được xác định như sau:

Các đơn vị ở:

- Đơn vị ở 1 (Khu I): Phía Đông - Bắc khu vực quy hoạch.

Giới hạn bởi: tuyến đường Hà Huy Giáp, tuyến đường Đ10, đường Đ17 và tuyến đường liên phường Đ23.

- Đơn vị ở 2 (Khu II): Phía Nam khu vực quy hoạch.

Giới hạn bởi: tuyến đường Hà Huy Giáp, tuyến đường liên phường Đ23, tuyến đường Đ10, sông Rống Tùng, sông Bến Thượng, và tuyến đường Đ33.

Các khu chức năng thuộc các đơn vị ở (có đan xen các khu chức năng ngoài đơn vị ở) bao gồm:

a. Các khu chức năng thuộc các đơn vị ở :

a.1. giai đoạn đến năm 2015: (Tổng diện tích đất đơn vị ở: 134,06 ha).

a.1.1. Các khu chức năng xây dựng nhà ở (nhóm nhà ở): tổng diện tích khoảng 100,64 ha).

- Các khu nhà ở hiện hữu, chỉnh trang : quy mô khoảng 46,78 ha.

- Các nhóm nhà ở xây dựng mới : quy mô khoảng 53,86 ha.

a.1.2. Khu chức năng dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở: tổng diện tích khoảng 4,93 ha; bao gồm:

- Khu chức năng giáo dục: tổng diện tích 2,93 ha, cân đối quy mô diện tích để đảm bảo phục vụ nhu cầu phục vụ tại phường, gồm:

+ Trường mầm non : 1,05 ha.

* Hiện hữu cải tạo : 0,57 ha. Gồm: Trường mầm non tư thục Hoàng Yến (0,26 ha); Trường mầm non Thạnh Xuân (0,31 ha).

* Xây dựng mới (01 cơ sở): 0,48 ha.

+ Trường tiểu học : 0,91 ha.

* Hiện hữu cải tạo : 0,25 ha. Gồm: Trường tiểu học Nguyễn Văn Thệ (0,25 ha); trường tiểu học Thạnh Lộc (0,66 ha)

+ Trường trung học cơ sở : 0,97 ha.

* Hiện hữu cải tạo : 0,23 ha. Gồm: Trường tiểu học Thạnh Xuân (0,23 ha);

* Xây dựng mới : 0,74 ha (01 cơ sở).

- Khu chức năng trung tâm hành chính cấp phường: tổng diện tích 0,42 ha.

* Hiện hữu cải tạo : 0,42 ha. Gồm: Ủy ban nhân dân phường Thạnh Xuân (0,31 ha). Công an phường Thạnh Xuân (0,11 ha).

- Khu chức năng y tế: diện tích 0,12 ha.

* Hiện hữu cải tạo : 0,12 ha (Trạm y tế phường).

- Khu chức năng dịch vụ, công trình hạ tầng xã hội, chợ : tổng diện tích 1,46ha.

* Hiện hữu cải tạo : 0,3 ha (chợ Thạnh Xuân); 1,16 ha (Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ người già và tàn tật Thạnh Lộc)

Ngoài ra, dự kiến đất thương mại dịch vụ sẽ được bố trí kết hợp với các công trình cao tầng trong các nhóm nhà ở tại các khu đất dự kiến phát triển xây dựng mới trên các trục đường chính, nhằm đảm bảo định hướng phát triển và phục vụ cho các khu vực dân cư.

a.1.3. Khu chức năng cây xanh sử dụng công cộng (bao gồm, vườn hoa, sân chơi): tổng diện tích 3,82 ha.

a.1.4. Mạng lưới đường giao thông cấp phân khu vực: tổng diện tích 24,67 ha.

a.2. giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020: (tổng diện tích đất đơn vị ở: 162,31 ha)

a.2.1. Các khu chức năng xây dựng nhà ở (nhóm nhà ở): tổng diện tích khoảng 112,21 ha).

- Các khu nhà ở hiện hữu, chỉnh trang : quy mô khoảng 46,78 ha.

- Các nhóm nhà ở xây dựng mới : quy mô khoảng 53,86 ha.

- Các nhóm nhà ở trong khu đất sử dụng hỗn hợp: quy mô khoảng 11,57 ha.

a.2.2. Khu chức năng dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở: tổng diện tích khoảng 13,68 ha; bao gồm:

- Khu chức năng giáo dục: tổng diện tích 7,32 ha, gồm:

+ Trường mầm non : 1,05 ha, trong đó:

* Hiện hữu cải tạo : 0,57 ha. Gồm: Trường mầm non tư thục Hoàng Yến (0,26 ha); Trường mầm non Thạnh Xuân (0,31 ha).

* Xây dựng mới (01 cơ sở): 0,48 ha.

+ Trường tiểu học (hiện hữu cải tạo): 0,91 ha gồm: Trường tiểu học Nguyễn Văn Thệ (0,25 ha); trường Thạnh Lộc (0,66 ha).

+ Trường phổ thông cơ sở : 0,97 ha, trong đó:

* Hiện hữu cải tạo : 0,23 ha. Gồm: Trường tiểu học Thạnh Xuân (0,23 ha).

* Xây dựng mới : 0,74 ha (01 cơ sở).

+ Đất giáo dục trong khu hỗn hợp (xây dựng mới): 4,39 ha.

- Khu chức năng trung tâm hành chính cấp phường (hiện hữu cải tạo): tổng diện tích 0,42 ha, gồm: Ủy ban nhân dân phường Thạnh Xuân (0,31 ha). Công an phường Thạnh Xuân (0,11 ha)

- Khu chức năng y tế (hiện hữu cải tạo): diện tích 0,12 ha (Trạm y tế phường).

- Khu chức năng dịch vụ, công trình hạ tầng xã hội, chợ (hiện hữu cải tạo): tổng diện tích 1,46 ha gồm 0,3 ha (chợ Thạnh Xuân) và 1,16 ha (Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ người già và tàn tật Thạnh Lộc).

- Khu đất công trình dịch vụ đô thị thuộc các khu đất sử dụng hỗn hợp: 4,36 ha.

a.2.3. Khu chức năng cây xanh sử dụng công cộng (bao gồm vườn hoa, sân chơi): tổng diện tích 7,92 ha. Trong đó:

* Cây xanh sử dụng công cộng : 3,82 ha.

* Cây xanh công viên trong khu đất sử dụng hỗn hợp: 4,1 ha.

a.2.4. Mạng lưới đường giao thông cấp phân khu vực: tổng diện tích 28,5 ha. Trong đó:

* Đất giao thông cấp phân khu vực : 24,67 ha.

* Đất giao thông trong các khu đất sử dụng hỗn hợp: 3,83 ha.

b. Các khu chức năng ngoài đơn vị ở nằm đan xen trong đơn vị ở

b.1. giai đoạn đến năm 2015: (Tổng diện tích đất ngoài đơn vị ở: 64,44 ha).

b.1.1. Đất giáo dục cấp đô thị (trường trung học phổ thông): diện tích 2,7 ha.

b.1.2. Đất ao hồ, sông rạch: diện tích 8,73 ha.

b.1.3. Đất cây xanh ven rạch: diện tích 8,6 ha.

b.1.4. Mạng lưới đường giao thông đối ngoại: tính đến mạng lưới đường khu vực (từ đường khu vực trở lên: đường sắt, đường bộ): diện tích 6,46 ha.

b.1.5. Đất dự trữ: diện tích 28,25 ha.

b.1.6. Khu bãi đỗ xe cấp đô thị (bãi đậu xe Thanh Xuân, bến đậu xe taxi và bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt): diện tích 9,7 ha.

b.2. giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020: (Tổng diện tích đất ngoài đơn vị ở: 36,19 ha).

b.2.1. Đất giáo dục cấp đô thị (trường trung học phổ thông): diện tích 2,7 ha.

b.2.2. Đất ao hồ, sông rạch: diện tích 8,73 ha.

b.2.3. Đất cây xanh ven rạch: diện tích 8,6 ha.

b.2.4. Mạng lưới đường giao thông đối ngoại: tính đến mạng lưới đường khu vực (từ đường khu vực trở lên: đường sắt, đường bộ): diện tích 6,46 ha.

b.2.5. Khu bãi đỗ xe cấp đô thị (bãi đậu xe Thanh Xuân, bến đậu xe taxi và bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt): diện tích 9,7 ha.

6.2. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:

a. Giai đoạn đến năm 2015

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất các đơn vị ở	134,06	67,54
1.	Đất các nhóm nhà ở	100,64	50,7
	- Đất các nhóm nhà ở hiện hữu ổn định (cải tạo chính trang)	46,78	
	- Đất các nhóm nhà ở dự kiến xây dựng mới.	53,86	
2.	Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	4,93	2,48
	- Đất giáo dục:	2,93	
	+ Trường mầm non	1,05	
	+ Trường tiểu học	0,91	
	+ Trường phổ thông cơ sở	0,97	
	- Đất Trung tâm hành chính cấp phường.	0,42	
	- Đất y tế (trạm y tế)	0,12	
	- Đất dịch vụ đô thị	0,3	
	- Đất công trình công cộng hạ tầng xã hội	1,16	
3.	Đất cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi - không kể đất cây xanh sử dụng công cộng trong nhóm ở)	3,82	1,93
4.	Đất đường giao thông cấp phân khu vực.	24,67	12,43
B	Đất ngoài đơn vị ở (bao gồm đất nằm đan xen trong đơn vị ở và nằm bên ngoài đơn vị ở, nếu có)	64,44	32,46

1	Đất giáo dục cấp đô thị (trường phổ thông trung học)	2,7	
2	Đất giao thông đối ngoại	6,46	
3	Đất ao hồ, sông rạch	8,73	
4	Đất cây xanh ven rạch	8,6	
5	Đất dự trữ	28,25	
6	Khu bãi đỗ xe cấp đô thị (bãi đậu xe Thạnh Xuân, bến đậu xe taxi và bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt)	9,7	
	Tổng cộng	198,5	100

b. giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	Đất các đơn vị ở	162,31	81,77
1	Đất các nhóm nhà ở	112,21	56,53
	- Đất các nhóm nhà ở hiện hữu ổn định (cải tạo chỉnh trang)	46,78	
	- Đất các nhóm nhà ở dự kiến xây dựng mới.	53,86	
	- Đất các nhóm nhà ở trong các khu đất sử dụng hỗn hợp	11,57	
2.	Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	13,68	6,89
	- Đất giáo dục:	7,32	
	+ Trường mầm non	1,05	
	+ Trường tiểu học	0,91	
	+ Trường phổ thông cơ sở	0,97	
	+ Đất giáo dục trong khu hỗn hợp	4,39	
	- Đất Trung tâm hành chính cấp phường.	0,42	
	- Đất y tế (trạm y tế)	0,12	
	- Đất dịch vụ đô thị	0,3	
	- Đất công trình công cộng hạ tầng xã hội	1,16	
	- Đất dịch vụ đô thị trong khu đất sử dụng hỗn hợp	4,36	
3.	Đất cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi - không kể đất cây xanh sử dụng công cộng trong nhóm ở).	7,92	3,99
4.	Đất đường giao thông cấp phân khu vực	28,5	14,36
B	Đất ngoài đơn vị ở (bao gồm đất nằm đan xen trong đơn vị ở và nằm bên ngoài đơn vị ở, nếu có)	36,19	18,23

1	Đất giáo dục cấp đô thị (trường trung học phổ thông)	2,7	
2	Đất giao thông đối ngoại	6,46	
3	Đất ao hồ, sông rạch	8,73	
4	Đất cây xanh ven rạch	8,6	
5	Khu bãi đỗ xe cấp đô thị (bãi đậu xe Thạnh Xuân, bến đậu xe taxi và bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt)	9,7	
Tổng cộng		198,5	100

6.3. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị từng đơn vị ở và ngoài đơn vị ở:

a. Giai đoạn đến năm 2015:

Đơn vị ở	Cơ cấu sử dụng đất		Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị				
	Loại đất	Diện tích (m ²)	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
					Tối thiểu	Tối đa	
Đơn vị ở 1 (diện tích: 553.100 m ² ; dự báo quy mô dân số: 8.670 người)	1. Đất đơn vị ở	478.900	55,23				
	1.1. Đất các nhóm nhà ở	383.000	44,17				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu ổn định, cải tạo, chỉnh trang	150.100	17,31	40-80	1	15	4,0
	- Đất nhóm nhà ở dự kiến xây dựng mới	232.900	26,86	40	1	15	4,0
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	14.700	1,7				
	- Đất giáo dục	14.700					
	+ Trường Mầm non						
	Xây dựng mới (01 cơ sở)	4.800		35	1	3	1,5
	+ Trường Tiểu học						
	Hiện hữu (01 cơ sở)	2.500		35	1	3	1,5
	- Trường tiểu học Nguyễn Văn Thệ						
	+ Trường trung học cơ sở						
	Xây dựng mới (01 cơ sở)	0,74		35	1	3	1,5
	1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng	13.300	1,53				
	- Đất cây xanh công viên khu ở	13.300					
1.4. Đất giao thông, bãi đỗ xe	67.900						
-Đất giao thông (tính đến đường cấp phân khu vực)	67.900	7,83 m ² /người					

	2. Đất ngoài đơn vị ở	74.200	8,56				
	2.1. Đất giao thông đối ngoại (tính đến mạng lưới đường khu vực)	39.500	4,56				
	2.2. Sông, rạch	13.500	1,56				
	2.3. Cây xanh ven rạch	21.200	2,44				
Đơn vị ở 2 (diện tích: 1.431.900 m ² ; dự báo quy mô dân số : 14.130 người)	1. Đất đơn vị ở	861.700	60,98				
	1.1. Đất các nhóm nhà ở	623.400	44,12				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu ổn định, cải tạo, chỉnh trang	317.700	22,48	40-80	1	15	4,0
	- Đất nhóm nhà ở dự kiến xây dựng mới	305.700	21,64	40	1	15	4,0
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	34.600	2,45				
	- Đất trung tâm hành chính cấp phường	4.200					
	+ Ủy ban nhân dân phường	4.200		40	1	2	0,8
	- Đất y tế	1.200		40	1	4	1,6
	- Đất dịch vụ đô thị	14.600					
	* Chợ Thạnh Xuân (hiện hữu, cải tạo)	3.000		40	1	5	2,0
	* Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ người già và tàn tật Thạnh Lộc	11.600		40	1	5	4,0
	- Đất giáo dục	14.600					
	Hiện hữu cải tạo (04 cơ sở)	14.600					
	* Trường mầm non tư thục Hoàng Yến	2.600		35	1	3	1,5
	* Trường trung học cơ sở Thạnh Xuân	2.300		35	1	3	1,5
	* Trường mầm non Thạnh Xuân	3.100		35	1	3	1,5
	* Trường tiểu học Thạnh Xuân	6.600		35	1	3	1,5
	1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng	24.900	1,76				
	- Đất cây xanh công viên khu ở	24.900					
	1.4. Đất giao thông, bãi đỗ xe	178.800					
	- Đất giao thông (tính đến đường cấp phân khu vực)	178.800	12,65 m ² /người				
	2. Đất ngoài đơn vị ở	543.200	38,44				
2.1. Đất giáo dục cấp đô thị	27.000	1,91					
2.2. Đất giao thông đối ngoại (tính đến mạng lưới đường khu vực)	25.100	1,78					
2.3. Sông, rạch	72.700	5,15					
2.4. Đất cây xanh ven rạch	65.900	4,66					

	2.5. Đất dự trữ	282.500	19,99				
	2.6. Đất bến đậu xe taxi và bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt	97.000	6,86				

b. Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020:

Đơn vị ở	Cơ cấu sử dụng đất		Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị				
	Loại đất	Diện tích (m ²)	Chỉ tiêu sử dụng đất (m ² /người)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao (tầng)		Hệ số sử dụng đất tối đa (lần)
					Tối thiểu	Tối đa	
Đơn vị ở 1 (diện tích: 553.100 m ² ; dự báo quy mô dân số: 8.576 người)	1. Đất đơn vị ở	478.900	55,84				
	1.1. Đất các nhóm nhà ở	383.000	44,66				
	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu ổn định, cải tạo, chỉnh trang	150.100	17,5	40-80	1	15	4,0
	- Đất nhóm nhà ở dự kiến xây dựng mới	232.900	27,16	40	1	15	4,0
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	14.700	1,71				
	- Đất giáo dục	14.700					
	+ Trường mầm non						
	Xây dựng mới (01 cơ sở)	4.800		35	1	3	1,5
	+ Trường tiểu học						
	Hiện hữu (01 cơ sở)	2.500		35	1	3	1,5
	- Trường Nguyễn Văn Thệ						
	+ Trường trung học cơ sở cấp 2						
	Xây dựng mới (01 cơ sở)	0,74		35	1	3	1,5
	1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng	13.300	1,55				
	- Đất cây xanh công viên khu ở	13.300	1,55				
	1.4. Đất giao thông, bãi đỗ xe	67.900					
	- Đất giao thông (tính đến đường cấp phân khu vực)	67.900	7,92 m ² /người				
	2. Đất ngoài đơn vị ở	74.200	8,65				
	2.1. Đất giao thông đối ngoại (tính đến mạng lưới đường khu vực)	39.500	4,61				
	2.2. Sông, rạch	14.600	1,7				
	2.3. cây xanh ven rạch	20.100	2,34				
	1. Đất đơn vị ở	1.144.200	70,53				
1.1. Đất các nhóm nhà ở	739.100	45,56					

Đơn vị ở 2 (diện tích: 1.431.900 m ² ; dự báo quy mô dân số : 16.224 người)	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu ổn định, cải tạo, chỉnh trang	317.700	19,63	40-80	1	15	4,0
	- Đất nhóm nhà ở dự kiến xây dựng mới	305.700	18,84	40	1	15	4,0
	- Đất nhóm nhà ở dự kiến xây dựng mới trong đất hỗn hợp.	115.700	7,13	40	1	15	4,0
	1.2. Đất công trình dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở	122.100	7,53				
	- Đất trung tâm hành chính cấp phường	4.200					
	+ Ủy ban nhân dân phường	4.200		40	1	2	0,8
	- Đất y tế	1.200		40	1	4	1,6
	- Đất dịch vụ đô thị	14.600					
	* Chợ Thạnh Xuân (hiện hữu, cải tạo)	3.000		40	1	5	2,0
	* Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ người già và tàn tật Thạnh Lộc	11.600		40	1	5	4,0
	- Đất giáo dục	14.600					
	Hiện hữu cải tạo (04 cơ sở)	14.600					
	* Trường mầm non tư thục Hoàng Yến	2.600		35	1	3	1,5
	* Trường trung học cơ sở Thạnh Xuân	2.300		35	1	3	1,5
	* Trường mầm non Thạnh Xuân	3.100		35	1	3	1,5
	* Trường trường tiểu học Thạnh Xuân	6.600		35	1	3	1,5
	- Đất công trình công cộng hạ tầng xã hội trong đất hỗn hợp.	87.500		35	1	3	2,0
	1.3. Đất cây xanh sử dụng công cộng	65.900	4,06				
	- Đất cây xanh công viên khu ở	24.900					
	- Đất cây xanh công viên trong đất hỗn hợp.	41.000					
	1.4. Đất giao thông, bãi đỗ xe	217.100	13,38 m ² /người				
	- Đất giao thông (tính đến đường cấp phân khu vực)	178.800					
	- Đất giao thông trong đất hỗn hợp	38.300					
	2. Đất ngoài đơn vị ở	287.700	17,73				
	2.1. Đất giáo dục cấp đô thị (trường trung học phổ thông)	27.000	1,66				
	2.2. Đất giao thông đối ngoại (tính đến mạng lưới đường khu vực)	25.100	1,55				
2.3. Sông, rạch	72.700	4,48					

	2.4. Đất cây xanh ven rạch	65.900	4,06				
	2.5. Đất bến đậu xe taxi và bến kỹ thuật chuyên dụng xe buýt	97.000	5,98				

6.4. Cơ cấu sử dụng đất trong các khu đất có chức năng sử dụng hỗn hợp:

Khu đất sử dụng hỗn hợp		Chức năng sử dụng đất trong khu đất sử dụng hỗn hợp	Tỷ lệ các khu chức năng trong khu đất sử dụng hỗn hợp (%)	Diện tích từng khu chức năng ((m ²)
Ký hiệu	Diện tích (m ²)			
II-33	26.800	Đất nhóm nhà ở	50	13.400
		Đất công trình dịch vụ đô thị	40	10.700
		Đất cây xanh - thể dục thể thao	10	2.700
II-34	84.200	Đất nhóm nhà ở	40	33.700
		Đất công trình dịch vụ đô thị	30	25.300
		Đất cây xanh - thể dục thể thao	15	12.600
		Đất giao thông	15	12.600
II-37	89.600	Đất nhóm nhà ở	40	35.800
		Đất công trình dịch vụ đô thị	30	27.000
		Đất cây xanh - thể dục thể thao	15	13.400
		Đất giao thông	15	13.400
II-38	81.900	Đất nhóm nhà ở	40	32.800
		Đất công trình dịch vụ đô thị	30	24.500
		Đất cây xanh - thể dục thể thao	15	12.300
		Đất giao thông	15	12.300

7. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

Tổ chức mạng lưới giao thông phù hợp với đô thị cải tạo, bằng cách nâng cấp các tuyến đường hiện hữu và xây dựng mới một số tuyến để nối kết các khu chức năng với nhau. Các tuyến đường này chia mặt bằng khu quy hoạch thành những ô phố, trên cơ sở đó bố trí sắp xếp lại nhà ở, công trình công cộng, công viên cây xanh nhằm cải thiện điều kiện sống cho người dân.

Yêu cầu về kiến trúc công trình:

- Những tiêu chí cần lưu ý trong quản lý quy hoạch và kiến trúc khi xây dựng mới hoặc cải tạo xây dựng khu ở như sau:

+ Các công trình kiến trúc khi xây dựng đều phải có khoảng lùi (chỉ giới xây dựng) và mật độ xây dựng theo đúng quy định.

+ Trường hợp các công trình công cộng và công trình có công năng đặc biệt khác cần có khoảng lùi theo tiêu chuẩn thiết kế công trình kiến trúc hoặc của chuyên ngành riêng biệt.

- Khu dân cư:

+ Khu vực hiện hữu giữ lại cải tạo phải tuân thủ mật độ, tầng cao chung và khoảng lùi so với lộ giới theo qui định.

+ Khu vực dân cư dự kiến phát triển mới, xây dựng chủ yếu nhà vườn và nhà liên kế có sân vườn, các cụm công trình hỗn hợp (ở kết hợp thương mại dịch vụ) mật độ xây dựng trung bình 40%, tầng cao xây dựng tối đa là 15 tầng.

+ Khu ở hỗn hợp là khu nhà ở xây dựng mới với loại hình thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở chung cư cao 15 tầng có mật độ xây dựng toàn khu 40%.

- Các công trình công cộng được bố trí theo giải pháp phân tán trong các khu ở, tại những vị trí thuận tiện và đảm bảo bán kính phục vụ gần nhất. Các công trình công cộng hiện hữu được giữ lại, nâng cấp cho phù hợp với quy mô phục vụ.

- Các công trình kiến trúc được thiết kế phù hợp cho từng chức năng, với hình thức kiến trúc đa dạng.

- Khu vực sát sông, kênh rạch, dự kiến quy hoạch mảng xanh liên hoàn kết hợp mặt nước.

- Về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan: cần xây dựng một số điểm nhấn tại khu vực trung tâm, dọc tuyến đường liên phường Đ23, đường Hà Huy Giáp song hành và một số vị trí quan trọng khác,... nhằm kiến tạo bộ mặt đô thị cho khu quy hoạch vừa làm động lực phát triển, nâng cao chất lượng môi trường sống.

- Cần lưu ý đến các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật khi áp dụng sao cho phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch và kiến trúc hiện hành của từng ngành khác nhau và tiêu chí đã được các cơ quan chức năng phê duyệt thuộc quy hoạch đô thị.

8. Quy hoạch giao thông đô thị:

a. Giao thông đường bộ:

- Mạng lưới đường phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 12. Việc tổ chức giao thông theo hướng cải tạo mở rộng lộ giới theo đúng quy định, kết hợp xây mới một số tuyến đường, tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh.

- Quy hoạch các tuyến giao thông đối ngoại:

Tổng chiều dài các tuyến giao thông đối ngoại khoảng 2.212m. Trong đó tuyến Hà Huy Giáp là tuyến đường có vai trò quan trọng, nối quận 12 với tỉnh Bình Dương, ngoài ra một số tuyến quan trọng nối với huyện Hóc Môn như tuyến đường Đ10, và các tuyến khác cũng có vai trò quan trọng, nối quận 12 với các khu vực lân cận.

- Về giao thông đối nội: với tổng chiều dài khoảng 16.180 m.

- Bảng thống kê các tuyến đường trong khu vực quy hoạch:

STT	Tên đường	Từ...	Đến...	Lộ giới mét	Chiều rộng (mét)		
					Lề trái	Lòng đường	Lề phải
Giao thông đối ngoại							
1	Đường Hà Huy Giáp	Đường Đ33	Đường Đ24	30	7,5	15	7,5
2	Đường Hà Huy Giáp song hành	Đường Hà Huy Giáp	Đường Đ17	40	8,5	23	8,5
Giao thông đối nội							
3	Đường Đ2	Đường Đ33	Đường Đ25	16	4	8	4
4	Đường Đ4	Đường Đ33	Đường Đ31	16	4	8	4
5	Đường Đ6	Đường Đ33	Đường Đ25	40	8,5	23	8,5
6	Đường Đ10	Đường Đ33	Đường Đ17	30	7,5	15	7,5
7	Đường Đ12	Đường Đ31A	Đường Đ27	12	3	6	3
8	Đường Đ12A	Đường Hà Huy Giáp	Đường Đ12	12	3	6	3
9	Đường Đ14	Đường Hà Huy Giáp	Đường Đ17	16	4	8	4
10	Đường Đ14A	Đường Hà Huy Giáp	Đường Đ25	12	3	6	3
11	Đường Đ16	Đường Đ19	Đường Đ17	16	4	8	4
12	Đường Đ17	Đường Đ10	Đường Hà Huy Giáp song hành	20	4,5	11	4,5
13	Đường Đ18	Đường Đ23	Đường Đ17	12	3	6	3
14	Đường Đ19	Đường Hà Huy Giáp	Đường Đ16	16	4	8	4
15	Đường Đ19A	Đường Đ10	Đường Hà Huy Giáp song hành	13	3	7	3
16	Đường Đ20	Đường Đ19A	Đường Đ17	13	3	7	3
17	Đường Đ21	Đường Đ10	Đường Đ19	16	4	8	4
18	Đường Đ23	Đường Đ10	Đường Hà Huy Giáp	30	7,5	15	7,5
19	Đường Đ25	Đường Đ10	Đường Đ23	16	4	8	4
20	Đường Đ27	Đường Đ6	Đường Đ14	16	4	8	4
21	Đường Đ29	Đường Đ6	Đường Đ10	12	3	6	3
22	Đường Đ31	Đường Đ2	Đường Đ31A	16	4	8	4
23	Đường Đ31A	Đường Đ2	Đường Tô Ngọc Vân	20	4,5	11	4,5
24	Đường Tô Ngọc Vân	Đường Đ33	Đường Đ14	20	4,5	11	4,5

- Về các nút giao thông chính: Các nút giao thông giao cắt ngang cùng mức với các bán kính bó vỉa tùy theo vị trí giao lộ. Giao lộ chính $R_{min} = 12m$.

b. Giao thông đường thủy: Khu vực lập quy hoạch có nhiều sông, kênh, rạch tiếp giáp và cắt ngang khu đất. Tuy nhiên, chỉ có một con sông chính có thể đảm nhiệm vai trò giao thông đường thủy của khu quy hoạch với cấp kỹ thuật cụ thể như sau:

- Sông Bến Thượng, cấp kỹ thuật: cấp 5.

9. Những hạng mục ưu tiên đầu tư; các vấn đề về tổ chức thực hiện theo quy hoạch:

a) Những hạng mục ưu tiên đầu tư:

- Huy động nguồn vốn xây dựng các công trình công cộng và cây xanh, ưu tiên mở rộng, cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các công trình về giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao.

- Huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng các khu hỗn hợp: nhà ở kết hợp thương mại - dịch vụ.

- Nâng cấp và cải tạo toàn bộ các tuyến đường giao thông nội bộ.

- Xây dựng và hoàn thiện các mạng lưới hạ tầng kỹ thuật.

Lưu ý: Khi triển khai các dự án phát triển các tuyến đường giao thông theo quy hoạch được phê duyệt, tùy theo điều kiện cụ thể, để tạo nguồn lực thực hiện, cần khai thác hiệu quả quỹ đất 2 bên đường, tổ chức thu hồi, đấu giá hoặc đấu thầu để lựa chọn chủ đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Về tổ chức thực hiện theo quy hoạch:

- Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân quận 12, các cơ quan quản lý đầu tư phát triển đô thị căn cứ vào đồ án quy hoạch phân khu này được phê duyệt để làm cơ sở xác định, lập kế hoạch thực hiện các khu vực phát triển đô thị để trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị.

- Trong quá trình tổ chức thực hiện theo quy hoạch, triển khai các dự án đầu tư phát triển đô thị trong khu vực quy hoạch; các chủ đầu tư, tổ chức, đơn vị có liên quan cần tuân thủ các nội dung đã được nêu trong đồ án quy hoạch phân khu này và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

Điều 2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân quận 12 và các đơn vị có liên quan.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 12 và đơn vị khảo sát đo đạc lập bản đồ hiện trạng hoặc cơ quan cung cấp bản đồ chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đánh giá hiện trạng trong hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm phường Thạnh Xuân, quận 12 (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông).

- Để đảm bảo cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 12; trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện theo quy hoạch, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 12, các cơ quan, đơn vị có liên quan cần lưu ý việc kiểm soát

và khống chế quy mô dân số trong phạm vi đồ án, theo đó, các dự án phát triển nhà ở mới hoặc dự án tái thiết đô thị cần có giải pháp để ưu tiên bố trí tái định cư tại chỗ.

- Trong quá trình tổ chức triển khai các dự án đầu tư xây dựng tại các khu vực có sông, kênh, rạch trong khu vực quy hoạch; Ủy ban nhân dân quận 12, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan cần quản lý chặt chẽ việc tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Việc san lấp kênh, mương, rạch (nếu có) trong khu vực quy hoạch cần có ý kiến thỏa thuận của các cơ quan có thẩm quyền đã được quy định tại Quyết định số 319/2003/QĐ-UB ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý việc san lấp và xây dựng công trình trên sông, kênh, rạch, đầm, hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

- Để làm cơ sở quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, quản lý xây dựng đô thị phù hợp với quy hoạch; sau khi đồ án quy hoạch phân khu này được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận 12 cần phối hợp Sở Quy hoạch - Kiến trúc để có kế hoạch tổ chức lập các Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị theo quy định, phù hợp với nội dung đồ án hoặc lập các đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) hoặc các đồ án thiết kế đô thị riêng tại các khu vực có ý nghĩa quan trọng, khu vực đặc trưng, khu vực cảnh quan đặc thù, khu vực dọc các tuyến đường quan trọng mang tính chất động lực phát triển.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận 12 cần tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này theo Luật Quy hoạch đô thị và Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố, ban hành Quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh và tổ chức thực hiện công tác cắm mốc giới theo quy hoạch được duyệt đã được quy định tại Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cắm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị.

- Chậm nhất 01 tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt nội dung quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông của đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 này, Ủy ban nhân dân quận 12 có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ phân quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật của đồ án, trình thẩm định, phê duyệt bổ sung theo quy định.

- Sau khi đồ án quy hoạch phân khu này được phê duyệt, Ủy ban nhân dân quận 12 cần yêu cầu đơn vị tư vấn lập quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm phường Thạnh Xuân, quận 12 (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông) để trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc phê duyệt theo Chỉ thị số 24/2012/CT-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Quyết định này đính kèm thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm phường Thạnh Xuân, quận 12 (quy hoạch sử dụng đất - kiến trúc - giao thông) được nêu tại Khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu phát triển thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12, Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận 12, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Thạnh Xuân và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND/TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PVP;
- Các Phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, (ĐTMT-N) D.29

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tín